



TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

-0880-



THƯ MỤC

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

SỐ $\frac{2}{2019}$

Chỉ đạo nội dung:
Đại tá, Thạc sỹ Trần Thị Bích Huệ

Thực hiện:
Thiếu tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương
Thiếu tá CN Nguyễn Thị Thu Hà
Trung úy CN Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:
Thiếu tá CN Trần Mạnh Hà

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 2 - 2019.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Thông báo tài liệu mới; giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn, luận văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN THƯ MỤC - MÁY TÍNH
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI
83 Lý Nam Đế - Cửa Đông - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 069.554556

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp

Tvqd@tttt.bqp.vn

Thuvienquandoi@gmail.com (Internet)

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI số 2/2019 giới thiệu 282 tài liệu, bằng 02 ngôn ngữ Việt và Nga, trong đó có 247 tài liệu tiếng Việt và 35 tài liệu tiếng Nga, được phân chia theo các nhóm ngành như sau:

- Triết học, cận tâm lý học và thuyết huyền bí, tâm lý học: 05 tài liệu
- Khoa học xã hội: 122 tài liệu
- Ngôn ngữ: 05 tài liệu
- Khoa học tự nhiên và toán học: 02 tài liệu
- Công nghệ: 11 tài liệu
- Nghệ thuật: 07 tài liệu
- Văn học và tu từ học: 69 tài liệu
- Lịch sử, địa lý học và các ngành phụ trợ: 61 tài liệu

PHẦN I: THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

100 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

1. *Chu dịch huyền giải/ Thu Giang Nguyễn Duy Cần.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 242tr.; 19cm.. - (Triết học Phương Đông)

181.11/M.0169628 - M.0169629 - M.0169630; MP.0031881 - MP.0031882

2. *Dịch học tinh hoa/ Thu Giang Nguyễn Duy Cần.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 343tr.; 19cm.. - (Triết học Phương Đông)

181.11/M.0169625 - M.0169626 - M.0169627; MP.0031879 - MP.0031880

3. *Giáo trình xây dựng Đảng về tư tưởng và đạo đức/ Đồng chủ biên: Nguyễn Văn Giang, Trần Thị Hương, Nguyễn Thị Thu Thủy.*- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 247tr.; 21cm.

172/.0079795 - .0079796; M.170548 - M.170549; MP.0032515 - MP.0032516

4. *Về tác phẩm "Nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân".* - Xuất bản lần thứ 4.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 304tr.; 15cm.

172.1/.0079715 - .0079716; M.170249 - M.170250; MP.0032314 - MP.0032315

5. *Военная психология/ А. Г. Караяни.*- M.: Издательство Юрайт, 2018.; 25cm.. - (Серия: Специалист)

Ч.1 : Учебник и практикум для вузов. - 217p.

158/XV.0004069

Ч.2 : Учебник и практикум для вузов. - 279p.

158/XV.0004068

300 – KHOA HỌC XÃ HỘI

6. *Cõi học và người thầy:* Chân dung các giáo sư ngành khoa học xã hội: Bút ký.- H.: Công an nhân dân, 2017. - 295tr.; 21cm.

300.922597/.0079633 - .0079634; M.170128 - M.170129; MP.0032198 - MP.0032199

7. *Một số giải pháp chính sách trong vấn đề thụ hưởng văn hóa ảnh hưởng tới đạo đức lối sống của thanh thiếu niên nước ta:* Sách chuyên khảo/ Đồng chủ biên: Cao Quốc Hoàng, Thái Thanh Quý.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 232tr.; 21cm.

306.409597/.0079617 - .0079618; M.170023 - M.170024; MP.0032094 - MP.0032095

8. *Một thức nhận về văn hóa Việt Nam/ Phan Ngọc.*- H.: Thế giới, 2018. - 542tr.; 21cm.

306.09597/.0079534 - .0079535; M.0169887 - M.0169888; MP.0032046 - MP.0032047

9. Những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu/ Nguyễn Văn Liêm.- H.: Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2018. - 544tr.; 24cm.

304.25/M.170104 - M.170105; MP.0032174 - MP.0032175; V.0016573 - V.0016574

10. Sự tiếp xúc của văn hóa Việt Nam với Pháp/ Phan Ngọc.- H.: Thế giới, 2018. - 218tr.; 21cm.

303.482597044/.0079536 - .0079537; M.0169889 - M.0169890; MP.0032048 - MP.0032049

11. Vai trò của các tổ chức xã hội trong nền kinh tế thị trường hiện đại: Sách chuyên khảo/ Phạm Văn Đức.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 272tr.; 24cm.

303.4409597/M.170243 - M.170244; MP.0032308 - MP.0032309; V.0016595 - V.0016596

12. Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. : Sách chuyên khảo/ Nguyễn Tùng Lâm.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 272tr.; 21cm.

305.8009597/.0079731 - .0079732; M.170265 - M.170266; MP.0032330 - MP.0032331

320 – Khoa học chính trị

13. Biến động của tình hình thế giới cơ hội, thách thức và triển vọng.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 179tr.; 21cm.

327.597/.0079735 - .0079736; M.170269 - M.170270; MP.0032334 - MP.0032335

14. Cẩm nang dành cho bí thư đảng bộ, chỉ bộ cơ sở công tác nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. - H.: Thế giới, 2018. - 402tr.; 27cm.

324.2597075/V.0016495 - V.0016496

15. Cơ chế hợp tác biên giới đất liền Việt - Trung/ Nguyễn Đình Liêm chủ biên.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 223tr.; 21cm.

327.597051/.0079635 - .0079636; M.170130 - M.170131; MP.0032200 - MP.0032201

16. Điều lệ Đảng: Công tác xây dựng, quản lý, chỉnh đốn Đảng - Những việc cần làm tại các cơ quan, đoàn thể.- H.: Thế giới, 2018. - 463tr.; 27cm.

324.2597075/M.0169843 - M.0169844; V.0016459 - V.0016460

17. Điều lệ Đảng: Quy định về xử lý kỷ luật đảng viên. - H.: Thế giới, 2018. - 367tr.; 27cm.

324.2597075/M.0169861 - M.0169862; V.0016501 - V.0016502

18. Một số vấn đề lý luận - thực tiễn cấp thiết liên quan trực tiếp đến nội dung, phương

thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước/ Đồng chủ biên: Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Viết Thông.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 795tr.; 24cm.

324.2597075/M.170247 - M.170248;MP.0032312 - MP.0032313;V.0016599 - V.0016600

19. *Ngoại giao và công tác ngoại giao: Sách chuyên khảo/ Vũ Dương Huân. - Xuất bản lần thứ 4, có sửa chữa, bổ sung.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 615tr.; 21cm.*

327.2/.0079743 - .0079744; M.170279 - M.170280; MP.0032344 - MP.0032345

20. *Những quy định mới về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm (Theo quy định số: 102-QĐ/TW ngày 15-11-2017) và công tác kiểm tra, giám sát, xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn hiện nay.- H.: Hồng đức, 2018. - 392tr.; 27cm.*

324.2597075/V.0016487 - V.0016488

21. *Quản lý đào tạo cao cấp lý luận chính trị cho cán bộ dân tộc thiểu số tại Học viện Chính trị khu vực III/ Trương Thị Như Yến.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 187tr.; 21cm.*

320.0715/M.170275 - M.170276; MP.0032340 - MP.0032341

22. *Sổ tay Công tác Đảng các quy định pháp luật cần biết dành cho Bí thư đảng bộ, chi bộ.- H.: Thế giới, 2018. - 367tr.; 28cm.*

324.2597075/V.0016477 - V.0016478

23. *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác báo chí và truyền thông trong tình hình mới.- H.: Chính trị quốc gia sự thật, 2018. - 187tr.; 21cm.*

324.2597075/.0079559 - .0079560

24. *Trật tự thế giới/ Henry Kissinger; Phạm Thái Sơn dịch.- H.: Thế giới, 2018. - 472tr.; 24cm.*

327/M.0169871 - M.0169872;V.0016523 - V.0016524

25. *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam hiện nay/ Nguyễn Thị Tố Uyên chủ biên.- H.: Lý luận chính trị, 2018. - 171tr.; 21cm.*

320.1509597/.0079553 - .0079554;M.0169929 - M.0169930 - M.0169931

26. *Противостояние с Америкой/ Игорь Прокопенко.- М.: Издательство <<Э>>, 2017. - 287р.; 21см.. - (Военная тайна с Игорем Прокопенко)*

327.47073/X.0027022

27. *Присоединение Грузии к России/ З.Д. Авалов.- М.: Вече, 2017. - 269р.; 21см.. - (Военно-историческая библиотека)*

327.47/X.0027020

28. *Операция <<Немыслимое>>. Третья мировая война/ Д. Уолкер; перевод: Д.А. Нелипиной.- М.: Вече, 2017. - 301р.; 21см.. - (Военно-историческая библиотека)*

пер. с англ.

327/X.0027024

29. *Неизвестные союзники Сталина: 1940-1945 гг/ А.А. Чичкин.*- М.: Вече, 2017. - 268р.; 21см.. - (Военно-историческая библиотека)
327.47/X.0027009

330 – Kinh tế học

30. *Các giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay/ Nguyễn Thành Hưng chủ biên.*- H.: Lý luận chính trị, 2017. - 194tr.; 21cm.

338.16095978/.0079551 - .0079552; M.0169927 - M.0169928

31. *Các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam:* Sách chuyên khảo/ *Lê Du Phong.*- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 400tr.; 21cm.

338.9597/.0079739 - .0079740; M.170273 - M.170274; MP.0032338 - MP.0032339

32. *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư/ Klaus Schwab; Dịch và hiệu đính: Bộ ngoại giao.*- H.: Chính trị quốc gia sự thật, 2018. - 279tr.; 21cm.

338.064/.0079561 - .0079562

33. *Định mức dự toán xây dựng công trình: Phần xây dựng (Sửa đổi và bổ sung):* Sửa đổi và bổ sung.- H.: Lao động, 2017. - 662tr.; 28cm.

338.43624/V.0016511 - V.0016512

34. *Năng lượng địa nhiệt và băng cháy/ Ông Sĩ Liệt chủ biên; Lưu Doãn Lương biên soạn; Tống Thị Quỳnh Hoa dịch.*- H.: Bách khoa Hà Nội, 2017. - 148tr.; 24cm.. - (Tủ sách Nguồn năng lượng mới đang vẫy gọi)

333.88/M.170094 - M.170095; MP.0032164 - MP.0032165; V.0016563 - V.0016564

35. *Năng lượng gió/ Ông Sĩ Liệt chủ biên; Chúc Bình Hòa biên soạn; Nguyễn Thị Thu hàng dịch.*- H.: Bách khoa Hà Nội, 2107. - 148tr.; 24cm.. - (Tủ sách Nguồn năng lượng đang vẫy gọi)

333.92/M.170110 - M.170111; MP.0032180 - MP.0032181; V.0016579 - V.0016580

36. *Năng lượng mặt trời/ Ông Sĩ Liệt chủ biên; Trương Huy biên soạn; Tống Thị Quỳnh Hoa dịch.*- H.: Bách khoa Hà Nội, 2017. - 152tr.; 24cm.. - (Tủ sách Nguồn năng lượng mới đang vẫy gọi)

333.7923/M.170108 - M.170109; MP.0032178 - MP.0032179; V.0016577 - V.0016578

37. *Năng lượng mới/ Ông Sĩ Liệt chủ biên; Thi Hạc Quân biên soạn; Nguyễn Thị Thu Hằng dịch.*- H.: Bách khoa Hà Nội, 2017. - 324tr.; 24cm.. - (Tủ sách Nguồn năng lượng mới đang vẫy gọi)

333,7932/M.170090 - M.170091; MP.0032160 - MP.0032161; V.0016559 - V.0016560

38. *Năng lượng nguyên tử/ Ông Sử Liệt chủ biên; Ngô Nguyên biên soạn; Tống Thị Quỳnh Hoa dịch.*- H.: Bách khoa Hà Nội, 2017. - 228tr.; 24cm.. - (Tủ sách Nguồn năng lượng mới đang vẫy gọi)

333.7924/M.170092 - M.170093; MP.0032162 - MP.0032163; V.0016561 - V.0016562

39. *Năng lượng nước/ Ông Sử Liệt chủ biên; Trương Khánh Lâm biên soạn; Nguyễn Thị Thu Hằng dịch.*- H.: Bách khoa Hà Nội, 2017. - 244tr.; 24cm.. - (Tủ sách nguồn năng lượng mới đang vẫy gọi)

333.914/M.170088 - M.170089; MP.0032158 - MP.0032159; V.0016557 - V.0016558

40. *Ảnh hưởng của phương thức sản xuất châu Á đối với việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế ở Việt Nam hiện nay/ Phạm Quốc Trung chủ biên.*- H.: Lý luận chính trị, 2018. - 351tr.; 21cm.

330.9597/.0079557 - .0079558; M.0169935 - M.0169936 - M.0169937

41. *Nước và con người/ Ngô Trọng Thuận, Vũ Văn Tuấn.*- H.: Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2017. - 381tr.; 24cm.

333.91/M.170100 - M.170101; MP.0032170 - MP.0032171; V.0016569 - V.0016570

42. *Quốc gia thăng trầm: Lý giải vận mệnh của các nền kinh tế/ Ruchir Sharma; Tường Linh dịch.*- H.: Thế giới, 2018. - 506tr.; 24cm.

330.9/M.0169905 - M.0169906; MP.0032064 - MP.0032065; V.0016543 - V.0016544

43. *Tăng trưởng bao trùm trong khu vực doanh nghiệp ở Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Văn Công chủ biên.*- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 388tr.; 21cm.

338.709597/.0079737 - .0079738; M.170271 - M.170272; MP.0032336 - MP.0032337

335 – Chủ nghĩa xã hội và hệ thống liên quan

44. *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh/ Bùi Đình Phong.*- H.: Công an nhân dân, 2018. - 352tr.; 21cm.

335.4346/.0079619 - .0079620; M.170025 - M.170026; MP.0032096 - MP.0032097

45. *Hướng dẫn học tập Chuyên đề năm 2018: "Xây dựng phong cách, tác phong công tác của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh".*- H.: Hồng đức, 2018. - 399tr.; 27cm.

335.4346/V.0016485 - V.0016486

46. *Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với dân chủ và hạnh phúc của nhân dân trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Văn Nguyên.*- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 230tr.; 21cm.

335.4346/.0079723 - .0079724;M.170257 - M.170258;MP.0032322 - MP.0032323

47. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản và công cuộc đổi mới ở Việt Nam.- H.: Lao động, 2017. - 400tr.; 27cm.

335.422/M.0169855 - M.0169856; V.0016483 - V.0016484

48. Tư tưởng Hồ Chí Minh - Nhận thức và hành động/ Phạm Ngọc Anh.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 304tr.; 21cm.

335.4346/.79544 - .79545 - .79546;M.170017 - M.170018 - M.170019;MP.0032090 - MP.0032091

340 – Luật pháp

49. Giáo dục pháp luật cho trẻ em ở Việt Nam hiện nay/ Lê Thị Phương Nga.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 243tr.; 21cm.

340.0710597/.0079733 - .0079734;M.170267 - M.170268;MP.0032332 - MP.0032333

342 – Luật hiến pháp và hành chính

50. Điểm mới về quyền nhân thân của cá nhân trong Bộ luật Dân sự và những tình huống thực tế/ Trương Hồng Quang.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 195tr.; 21cm.

342.597085/.0079729 - .0079730;M.170263 - M.170264;MP.0032328 - MP.0032329

51. Hình thức xử phạt trực xuất trong pháp luật Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Cao Vũ Minh.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 236tr.; 21cm.

342.597082/.0079725 - .0079726; M.170259 - M.170260; MP.0032324 - MP.0032325

52. Luật Cán bộ, công chức - Luật viên chức: Quy định về đào tạo, đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức.- H.: Lao động, 2018. - 398tr.; 28cm.

342.59706802632/V.0016509 - V.0016510

53. Luật Tiếp công dân - Luật Trưng cầu ý dân và các văn bản có liên quan.- H.: Lao động, 2018. - 399tr.; 28cm.

342.597002632/V.0016451 - V.0016452

54. Luật Xử lý vi phạm hành chính các quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực.- H.: Lao động, 2018. - 390tr.; 28cm.

342.5970602632/V.0016499 - V.0016500

55. Những câu hỏi thường gặp trong Luật cư trú, Luật căn cước công dân, Luật hộ tịch/ Phạm Đình Chi.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 200tr.; 21cm.

342.5970802638/.0079623 - .0079624;M.170047 - M.170048;MP.0032118 - MP.0032119

56. Sổ tay công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Hướng dẫn tổ chức hoạt động của Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn, cộng tác viên Ủy ban.- H.: Lao động, 2018. - 399tr.; 28cm.

342.5970402638/M.0169835 - M.0169836;V.0016445 - V.0016446

57. Tìm hiểu các quy định pháp luật dành cho Bí thư Đoàn.- H.: Hồng đức, 2018. - 391tr.; 28cm.

342.59708772/M.0169859 - M.0169860

58. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp ở Việt Nam hiện nay - Lý luận và thực tiễn. : Sách chuyên khảo/ Nguyễn Quốc Sửu chủ biên.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 323tr.; 21cm.

342.597023/.0079741 - .0079742; M.170277 - M.170278;MP.0032342 - MP.0032343

343 – Luật quân sự, quốc phòng, tài sản công, tài chính công, thuế, thương mại, công nghiệp

59. 375 câu Hỏi - Đáp về Pháp luật xây dựng: Tập hợp các vấn đề pháp lý, vướng mắc trong lĩnh vực xây dựng. - H.: Lao động, 2018. - 391tr.; 28cm.

343.597078624/V.0016513 - V.0016514

60. Cẩm nang công tác dành cho Hội Cựu chiến binh: Các văn kiện và danh sách Ban chấp hành Đại hội Đại biểu toàn quốc Hội Cựu chiến binh lần thứ VI, nhiệm kỳ 2017 - 2022. - H.: Lao động, 2018. - 398tr.; 28cm.

343.59701102638/M.0169853 - M.0169854;V.0016481 - V.0016482

61. Cẩm nang quản lý, sử dụng tài sản công: Tiêu chuẩn, định mức, chỉ tiêu mua sắm, khoán kinh phí sử dụng tài sản nhà nước trong các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp.- H.: Tài chính, 2018. - 415tr.; 27cm.

343.59702026/V.0016493 - V.0016494

62. Chính sách thuế: Hướng dẫn quyết toán thuế quy trình công khai các bước giải quyết khiếu nại tại cơ quan thuế các cấp.- H.: Tài chính, 2018. - 402tr.; 28cm.

343.59704/V.0016515 - V.0016516

63. Hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Quy định mới về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp công lập và tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.- H.: Tài chính, 2018. - 457tr.; 27cm.

343.5970202632/M.0169849 - M.0169850;V.0016473 - V.0016474

64. Luật đầu tư công - Luật đấu thầu - Quy trình kiểm toán và các văn bản mới hướng dẫn về quản lý đầu tư XDCB trong cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp.- H.: Tài chính, 2018. - 667tr.; 27cm.

343.59707862402632/M.0169863 - M.0169864; V.0016505 - V.0016506

65. Quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và các văn bản áp dụng hiện hành có liên quan.- H.: Tài chính, 2018. - 390tr.; 28cm.

343.59703402638/V.0016461 - V.0016462

344 – Luật lao động, dịch vụ xã hội, giáo dục, văn hóa

66. Chính sách mới về tiền lương, bảo hiểm xã hội và tiêu chuẩn định mức các khoản chi ngân sách nhà nước.- H.: Tài chính, 2018. - 691tr.; 27cm.

344.597002638/M.0169865 - M.0169866;V.0016507 - V.0016508

67. Hệ thống các văn bản mới về tài chính kế toán công đoàn: Quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lao động, hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, việc làm và an toàn, vệ sinh lao động dành cho công đoàn các cấp.- H.: Tài chính, 2018. - 367tr.; 28cm.

344.5970187102638/V.0016497 - V.0016498

68. Luật Bảo vệ môi trường: Quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tăng cường tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường.- H.: Lao động, 2018. - 391tr.; 28cm.

344.59704602632/M.0169837 - M.0169838;V.0016447 - V.0016448

69. Quy định chi tiết thi hành Luật thi đua, khen thưởng và hướng dẫn bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng trong các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp.- H.: Lao động, 2017. - 383tr.; 28cm.

344.597002638/V.0016441 - V.0016442

70. Quy định tiêu chuẩn, bảo hiểm cháy, nổ - Hướng dẫn công tác thanh tra áp dụng trọng tâm Luật Phòng cháy và chữa cháy đối với các cơ quan đơn vị.- H.: Lao động, 201. - 431tr.; 28cm.

344.5970537702638/V.0016471 - V.0016472

71. Sổ tay Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo: Quy định chi tiết thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.- Thanh hóa: Nxb. Thanh hóa, 2018. - 367tr.; 28cm.

344.59709602638/M.0169839 - M.0169840;V.0016449 - V.0016450

345 – Luật hình sự

72. Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 - Bộ luật tố tụng hình sự - Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự - Luật thi hành tạm giữ, tạm giam các văn bản hướng dẫn thực hiện. - H.: Lao động, 2018. - 558tr.; 28cm.

345.597002632/V.0016465 - V.0016466

73. Phương pháp định tội danh với 538 tội danh trong Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. / Đoàn Tấn Minh, Nguyễn Ngọc Điệp.- H.: Lao động, 2018. - 575tr.; 28cm.

345.597/V.0016463 - V.0016464

74. Quy trình giải quyết các vụ án hình sự - 420 câu hỏi đáp về Bộ luật Hình sự Bộ luật Tố tụng hình sự - Các biện pháp phòng chống oan, sai bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động Tố tụng hình sự. - H.: Thế giới, 2018. - 386tr.; 28cm.
345.597/V.0016479 - V.0016480

346 – Luật tư

75. Bình luận khoa học Luật đất đai (năm 2013)/ Phạm Thị Hương Lan chủ biên.- H.: Lao động, 2018. - 399tr.; 28cm.
346.597043202632/V.0016517 - V.0016518

76. Các Thông tư hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính về đất đai - Nhà ở từ năm 2014-2017.- H.: Hồng đức, 2018. - 399tr.; 28cm.
346.5970432/M.0169847 - M.0169848

77. Cẩm nang dành cho Giám đốc, lãnh đạo doanh nghiệp các chế độ chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. - H.: Lao động, 2018. - 391tr.; 28cm.
346.5970702638/V.0016503 - V.0016504

78. Cẩm nang soạn thảo, ký kết thực hiện hợp đồng dân sự, kinh tế, lao động với các mẫu hợp đồng thông dụng nhất 2018.- H.: Hồng đức, 2018. - 639tr.; 28cm.
346.597022/V.0016457 - V.0016458

79. Hoàn thiện thủ tục pháp luật về đầu tư đối với doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ Trương Công Đắc.- H.: Lý luận chính trị, 2018. - 206tr.; 21cm.
346.597092/.0079555 - .0079556; M.0169932 - M.0169933 - M.0169934

80. Luật đất đai, Luật nhà ở và Hỏi - Đáp pháp luật về đất đai, nhà ở.- H.: Lao động, 2018. - 439tr.; 28cm.
346.59704302638/V.0016467 - V.0016468

81. So sánh Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 - Năm 2014 Các văn bản Pháp luật về dân sự, hôn nhân, gia đình mới nhất.- H.: Thế giới, 2018. - 414tr.; 28cm.
346.597016/M.0169845 - M.0169846; MP.0032037

347 – Thủ tục và tòa án

82. Hướng dẫn công tác thi hành án hình sự tại cấp xã, phường, thị trấn/ Hoàng Đức Mạnh.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 280tr.; 21cm.
347.597077/.0079625 - .0079626; M.170049 - M.170050; MP.0032120 - MP.0032121

83. 16 án lệ và các biểu mẫu trong tố tụng hình sự - dân sự của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao năm 2016 - 2018.- H.: Hồng đức, 2018. - 415tr.; 28cm.
347.597055/V.0016443 - V.0016444

84. Quy trình giải quyết tranh chấp dân sự: Các quy định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết tranh chấp dân sự.- H.: Lao động, 2018. - 391tr.; 28cm.

347.597002638/V.0016455 - V.0016456

85. Tuyển tập các án lệ và nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế, lao động năm 2007 - 2017.- H.: Hồng đức, 2018. - 390tr.; 28cm.

347.597014/V.0016469 - V.0016470

349 – Luật khu vực pháp quyền, khu vực, vùng kinh tế xã hội, tổ chức liên chính phủ vùng vự thể

86. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề đặt ra đối với cải cách pháp luật Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Đồng chủ biên: Nguyễn Thị Quế Anh, Ngô Huy Cương.- H.: Chính trị quốc gia sự thật, 2018. - 488tr.; 24cm.

349.597/M.0169926;V.0016549 - V.0016550

350 – Hành chính công và khoa học quân sự

87. Hướng dẫn, tham khảo soạn văn bản các mẫu diễn văn, bài phát biểu, các mẫu thư dành cho lãnh đạo và cán bộ chiến sĩ trong quân đội/ Biên soạn: Quí Lâm, Kim Phụng.- H.: Thế giới, 2017. - 398tr.; 28cm.

355.009597/M.0169857 - M.0169858;V.0016489 - V.0016490

88. Quản lý hoạt động văn hóa cơ sở ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa/ Phạm Thanh Tâm.- H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2017. - 274tr.; 21cm.

353.709597/.0079689 - .0079690;M.170202 - M.170203;MP.0032268 - MP.0032269

89. Từ điển Bách khoa Biên phòng.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 595tr.; 22cm.

355.003/.0079547 - .0079548

90. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự: Sách chuyên khảo/ Tô Lâm.- H.: Công an nhân dân, 2017. - 325tr.; 21cm.

355.0330597/.0079615 - .0079616;M.170020 - M.170021 - M.170022;MP.0032092 - MP.0032093

91. Маршалы Сталина/ Рубцов, Ю.В..- М.: Вече, 2017. - 332p.; 21cm.. - (Военно-историческая библиотека)

355.0092/X.0027010

92. <<Верный Вам Рамзай>>: Рихард Зорге и советская военная разведка в Японии 1933-1938 годы/ М. Алексеев.- М.: Алгоритм, 2017. - 862p.; 25cm.

Кн. 1.- 2017

355.34320947/XV.0004067

93. <<Верный Вам Рамзай>>: Рихард Зорге и советская военная разведка в Японии 1939-1941 годы/ *М. Алексеев.*- М.: Алгоритм, 2017. - 686р.; 25см.

Кн. 2.- 2017

355.34320947/XV.0004066

94. Атлантический вал Гитлера/ А.Б. Ширококорд.- М.: Вече, 2018. - 396р.; 21см..
- (Военно-историческая библиотека)

355.009431/X.0027014

95. Атомный шит России/ Ширококорд, А.Б..- М.: Вече, 2017. - 348р.; 21см.. -
(Военно-историческая библиотека)

355.8/X.0027015

96. Военный прогресс: социально-философский анализ: Монография/ *С.В. Максимов.*- М.: Инфра-м, 2017. - 324р.; 22см.. - (Научная мысль)

355.007/X.0027002

97. Диалектика отечественного военного прогресса: Монография/ *С.В. Максимов.*- М.: Инфра-м, 2018. - 353р.; 22см.. - (Научная мысль)

355.007/X.0026997

98. Краткая история Русского флота/ Ф.Ф. Веселаго.- М.: Вече, 2017. - 413р.; 21см.. - (Военно-историческая библиотека)

359.00947/X.0027008

99. Легендарные герои военной разведки/ М.Е. Болтунов.- М.: Вече, 2017. - 352р.; 21см.

355.34320947084/X.0027007

100. Тайные операции военной разведки/ Михаил Ефимович Болтунов.- М.: Яуза, 2017. - 316р.; 22см.. - (Запретные войны)

355.34320947/X.0026999

101. Правда и мифы о спецназе/ Игорь Прокопенко.- М.: Издательство <<Э>>, 2017. - 317р.; 21см.. - (Военная тайна с Игорем Прокопенко)

355.34/X.0027021

102. Война и мир в терминах и определениях: Военно-политический словарь/ *Общ. ред.: Д. О. Рогозина.*- М.: Вече, 2017. - 638р.; 25см.

355.003/XV.0004071

103. Война и мир в терминах и определениях: Военно-политический словарь/ *Общ. ред.: Д. О. Рогозина.*- М.: Вече, 2016. - 270р.; 25см.

355.003/XV.0004070

104. Военные нанотехнологии. Возможности применения и превенеиетиного

контроля вооружений/ Ю. Альтман; Перевод: А.В. Хачояна. - Изд. 2-е, дополненное и исправленное.- М.: Техносфера, 2017. - 421p.; 22cm.

Пер. с англ.

355.8/X.0027005

105. История военных сообщений на морском и внутреннем водном транспорте: Монография/ А. В. Кириченко, И. В. Мартыненко, О. В. Соляков.- М.: Моркннга, 2017. - 454p.; 22cm.

359.00947/X.0026996

106. Военный прогресс и особенности его проявления в традициях запада (социально-философский анализ): Монография/ С.В. Максимов.- М.: Инфра-м, 2017. - 253p.; 22cm.. - (Научная мысль)

355.007/X.0027001

107. Генеральская правда 1941-1945/ Ю.В. Рубцов.- М.: Вече, 2017. - 366p.; 21cm.. - (Военно-историческая библиотека)

355.0047/X.0027017

108. Bách khoa toàn thư quân sự Việt Nam: Quyển 2: Địa lý Quân sự.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 880tr.; 30cm.

Q.2 : Địa lý Quân sự.- 2018

355.003/M.0169924 - M.0169925;V.0016547 - V.0016548

109. Тактическая подготовка курсантов учебных военных центров/ под общ. ред. Ю.Б. Торгованова.- М.: Инфра-м, 2018. - 516p.; 22cm.. - (Военное образование)

355.420947/X.0027000

360 – Vấn đề và dịch vụ xã hội; hiệp hội

110. Bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình - Nhận thức và giải pháp phòng ngừa: Sách chuyên khảo/ Đỗ Cảnh Thìn.- H.: Công an nhân dân, 2017. - 200tr.; 21cm.

362.8292/.0079627 - .0079628; M.170051 - M.170052;MP.0032122 - MP.0032123

111. Hoạt động tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù: Chuyên khảo/ Nguyễn Văn Sơn, Lê Hồng Phong.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 200tr.; 21cm.

364.8/.0079629 - .0079630; M.170053 - M.170054; MP.0032124 - MP.0032125

112. Lịch sử Đảng bộ Cảnh sát biển (1998 - 2018).- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 339tr.; 21cm.

363.28609597/.0079549 - .0079550;MP.0032080 - MP.0032081

113. Những thông tin cập nhật về biến đổi khí hậu dùng cho các đối tượng cộng đồng/ Ngô Trọng Thuận chủ biên, Nguyễn Văn Liêm. - Tái bản có sửa chữa và bổ sung.- H.: Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2017. - 292tr.; 21cm.

363.7/.0079657 - .0079658; M.170152 - M.170153; MP.0032222 - MP.0032223

114. Phòng, chống tội phạm có sử dụng bạo lực ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách tham khảo/ Nguyễn Đắc Hoan chủ biên.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 384tr.; 26cm.

364.15509597/M.170027 - M.170028; MP.0032098 - MP.0032099;V.0016551 - V.0016552

115. Tài liệu kiến thức phòng cháy, chữa cháy: Tra cứu các tình huống vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hộ kinh doanh.- H.: Hồng đức, 2018. - 415tr.; 27cm.

363.377/V.0016491 - V.0016492

116. Vấn đề xã hội lý thuyết và vận dụng/ Phạm Đi.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 311tr.; 21cm.

361.1/.0079727 - .0079728; M.170261 - M.170262; MP.0032326 - MP.0032327

370 – Giáo dục

117. Bách khoa tri thức Y tế học đường: Kỹ năng sơ cứu và xử lý ban đầu một số tai nạn thường gặp trong trường học.- H.: Hồng đức, 2018. - 421tr.; 27cm.

371.7/M.0169841 - M.0169842;V.0016453 - V.0016454

118. Kể chuyện trạng nguyên Việt Nam/ Bảo An biên soạn.- H.: Văn học, 2018. - 279tr.; 21cm.

370.922597/M.170199 - M.170200 - M.170201; MP.0032266 - MP.0032267

119. Khoa cử Việt Nam và truyện các ông nghề/ Vũ Ngọc Khánh.- H.: Văn hóa dân tộc, 2018. - 300tr.; 21cm.

370.9597/.0079691 - .0079692;M.170204 - M.170205;MP.0032270 - MP.0032271

120. Những thầy giáo nổi tiếng trong lịch sử/ Nguyễn Ngọc Thanh chủ biên.- Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa Văn nghệ, 2017. - 321tr.; 23cm.

371.100922597/M.170096 - M.170097;MP.0032166 - MP.0032167;V.0016565 - V.0016566

121. Viện trợ nước ngoài cho Việt Nam: Đối với giáo dục và đào tạo 1954 - 1975. / Nguyễn Thúy Quỳnh.- H.: Công an nhân dân, 2017. - 287tr.; 21cm.

370.116095970904/.0079540 - .0079541;M.0169893 - M.0169894;MP.0032052 - MP.0032053

380 – Thương mại, truyền thông, vận tải

122. Giác mộng châu Á của Trung Quốc: Công cuộc xây dựng đế chế dọc theo con đường tơ lụa mới/ Tom Miller; Đoàn Duy dịch.- H.: Hội nhà văn, 2018. - 329tr.; 24cm.

382.0951/M.0169903 - M.0169904;MP.0032062 - MP.0032063;V.0016541 - V.0016542

390 – Phong tục, nghi thức, văn hóa dân gian

123. 999 bài dân ca ba miền/ Dương An sưu tầm, biên soạn.- H.: Thanh niên, 2018. - 248tr.; 21cm.

398.809597/M.170192 - M.170193 - M.170194; MP.0032260 - MP.0032261

124. 999 bài đồng dao ba miền/ Dương An sưu tầm, biên soạn.- H.: Thanh niên, 2018. - 220tr.; 21cm.

398.809597/M.170186 - M.170187 - M.170188; MP.0032256 - MP.0032257

125. 999 Bài hát ru ba miền/ Dương An sưu tầm, biên soạn.- H.: Thanh niên, 2018. - 224tr.; 21cm.

398.809597/M.170189 - M.170190 - M.170191; MP.0032258 - MP.0032259

126. Đình miếu và lễ hội dân gian miền Nam: Biên khảo/ Sơn Nam. - In lần 4.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 360tr.; 20cm.

394.269597/.0079486 - .0079487; M.0169664 - M.0169665 - M.0169666; MP.0031905 - MP.0031906

127. Lễ hội văn hóa ba miền/ Vũ Thụy An biên soạn.- H.: Thanh niên, 2017. - 408tr.; 21cm.

394.269597/.0079665 - .0079666; M.170160 - M.170161; MP.0032230 - MP.0032231

400 - NGÔN NGỮ

128. Cú pháp tiếng Việt. - Tái bản lần thứ 1.- H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017. - 310tr.; 24cm.

495.9225/M.170102 - M.170103; MP.0032172 - MP.0032173; V.0016571 - V.0016572

129. Lỗi chính tả và cách khắc phục/ Lê Trung Hoa. - Tái bản lần thứ 3 có sửa chữa, bổ sung.- H.: Khoa học xã hội, 2108. - 237tr.; 21cm.

425.922813/M.170168 - M.170169 - M.170170; MP.0032238 - MP.0032239 - MP.0032240

130. Sự phát triển nghĩa từ vựng Tiếng Việt từ 1945 đến 2005. - Tái bản lần thứ 1.- H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. - 278tr.; 24cm.

495.922014/M.170118 - M.170119; MP.0032188 - MP.0032189; V.0016587 - V.0016588

131. Tiếng Việt lịch sử trước thế kỷ XX: Những vấn đề quan yếu/ Đinh Văn Đức chủ biên.- H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. - 579tr.; 24cm.

495.92209/M.170122 - M.170123; MP.0032192 - MP.0032193; V.0016591 - V.0016592

132. Từ và từ vựng học Tiếng Việt/ Nguyễn Thiện Giáp. - Tái bản lần thứ 1.- H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. - 636tr.; 24cm.

495.922014/M.170120 - M.170121; MP.0032190 - MP.0032191; V.0016589 - V.0016590

500 – KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ TOÁN HỌC

550 – Khoa học về trái đất

133. Địa mạo và thay đổi môi trường toàn cầu/ Olav Slaymaker, Thomas Spencer, Christine Embleton-Hamann; Ng.dịch: Vũ Tuấn Anh, - Tái bản lần thứ 1.- H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2018. - 750tr.; 24cm.

551.41/M.0169899 - M.0169900;MP.0032058 - MP.0032059;V.0016537 - V.0016538

570 – Sinh vật học

134. Cơ sở môi trường sinh thái/ Bùi Vạn Trân, Bùi Thị Trà Giang.- H.: Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2018. - 236tr.; 24cm.

577.820711/M.170112 - M.170113;MP.0032182 - MP.0032183;V.0016581 - V.0016582

600 – CÔNG NGHỆ

610 – Y học và y tế

135. Chẩn đoán bệnh qua mặt tay/ Dương Ngọc Đan biên soạn.- H.: Dân trí, 2017. - 271tr.; 24cm.

615.88/M.0169918 - M.0169919 - M.0169920;MP.0032072 - MP.0032073

136. Tự học Đông y: Giới thiệu các liệu pháp phòng bệnh, trị bệnh, dưỡng sinh cổ truyền/ Bùi Huy.- H.: Dân trí, 2015. - 287tr.; 24cm.

615.8/M.0169909 - M.0169910 - M.0169911; MP.0032066 - MP.0032067

137. Phòng ngừa điều trị các chứng bệnh cột sống/ Thanh An.- H.: Dân trí, 2017. - 255tr.; 24cm.

616.73/M.0169912 - M.0169913 - M.0169914; MP.0032068 - MP.0032069

138. Tự điều trị bệnh cổ - vai - gáy/ Dương Ngọc Đan.- H.: Dân trí, 2017. - 255tr.; 24cm.

617.5/M.0169915 - M.0169916 - M.0169917; MP.0032070 - MP.0032071

139. Vì sao mình nhẩy nhót: Hé lộ về thế giới trẻ tự kỷ/ Naoki Higashida; Hải Yến dịch.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 182tr.; 20cm.

618.9285882/M.0169583 - M.0169584 - M.0169585; MP.0031851 - MP.0031852

620 – Kỹ thuật và hoạt động liên thuộc

140. *Военные самолеты*: Легендарные модели от Первой мировой войны до наших дней/ *Риккардо Никколи, Марко де фабиани манферто; перевод.: Н. Голден, Е. Ануфриева.*- М.: Эксмо, 2018. - 171р.; 31см.. - (Подарочные издания. Оружие)

623.746/XV.0004065

141. *Оружие Победы*/ С.Н. Славин.- М.: Вече, 2017. - 410р.; 21см.. - (Военно-историческая библиотека)

Сюжет книги о том, как оружие, созданное в СССР, помогло нашей стране одержать победу в Великой Отечественной войне. Книга рассказывает о развитии отечественного вооружения, о тех, кто стоял у истоков создания новых образцов техники, о том, как оружие помогло нашей стране одержать победу в Великой Отечественной войне.

623/X.0027016

142. *Оружие будущего*/ Игорь Прокопенко.- М.: Издательство <<Э>>, 2017. - 316р.; 20см.. - (Военная тайна с Игорем Прокопенко)

623.4/X.0027023

143. *Военно-техническая подготовка. Устройство РЛС РТВ ВВС. Радиолокационная станция П-18Р*: учеб. пособие: в 2 ч.- М.: Инфра-М, 2017.; 22см.. - (Военное образование)

Ч.1.- 2017 - 267р.

621.3848/X.0027003

Ч.2 : Альбом схем и рисунков. - 119р.

621.3848/X.0027004

630 – Nông nghiệp và công nghệ có liên quan

144. *Khai thác tài nguyên khí hậu nông nghiệp Việt Nam*/ Nguyễn Văn Việt.- H.: Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2017. - 488tr.; 24cm.

630.251509597/M.170098 - M.170099; MP.0032168 - MP.0032169; V.0016567 - V.0016568

650 – Quản lý và dịch vụ phụ trợ

145. *Tình yêu hàng hiệu*: Mối tình của người châu Á với hàng hiệu/ *Radha Chadha, Paul Husband; Đặng Quang Hiếu dịch.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 416tr.; 23cm.

658.827/M.0169631 - M.0169632 - M.0169633; MP.0031883 - MP.0031884

700 - NGHỆ THUẬT

146. *Có những tuổi hai mươi*: Tuyển tập nhạc/ *Nguyễn Hồng Sơn.*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 108tr.; 24cm.

782.4209597/V.0016601 - V.0016602

147. *Những tài danh âm nhạc Việt Nam - Đỗ Nhuận*/ Nguyễn Thụy Kha.- H.: Văn học, 2017. - 250tr.; 21cm.

780.92/.0079677 - .0079678;M.170178 - M.170179; MP.0032248 - MP.0032249

148. *Những tài danh âm nhạc Việt Nam - Hoàng Việt/ Nguyễn Thụy Kha.*- H.: Văn học, 2017. - 246tr.; 21cm.. - (Những tài danh âm nhạc Việt Nam)

780.92/.0079675 - .0079676;M.170176 - M.170177; MP.0032246 - MP.0032247

149. *Những tài danh âm nhạc Việt Nam - Huy Du/ Nguyễn Thụy Kha.*- H.: Văn học, 2017. - 216tr.; 21cm.

780.92/.0079681 - .0079682;M.170182 - M.170183; MP.0032252 - MP.0032253

150. *Những tài danh âm nhạc Việt Nam - Lưu Hữu Phước/ Nguyễn Thụy Kha.*- H.: Văn học, 2017. - 289tr.; 21cm.

780.92/.0079683 - .0079684; M.170184 - M.170185; MP.0032254 - MP.0032255

151. *Những tài danh âm nhạc Việt Nam - Nguyễn Thiên Đạo/ Nguyễn Thụy Kha.*- H.: Văn học, 2017. - 270tr.; 21cm.

780.92/.0079673 - .0079674; M.170174 - M.170175; MP.0032244 - MP.0032245

152. *Những tài danh âm nhạc Việt Nam - Văn Cao/ Nguyễn Thụy Kha.*- H.: Âm nhạc, 2017. - 240tr.; 21cm.

780.92/.0079679 - .0079680;M.170180 - M.170181; MP.0032250 - MP.0032251

800 - VĂN HỌC VÀ TƯ TƯỞNG

153. *Chênh vênh:* Tiểu thuyết/ *Michel Houellebecq; Hoàng Anh dịch.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 377tr.; 20cm.

843.92/M.0169619 - M.0169620 - M.0169621; MP.0031875 - MP.0031876

154. *10 câu chuyện kinh dị hay nhất mọi thời đại/ Michael Cox; Nguyễn Tuấn Việt dịch.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 229tr.; 20cm.

823.914/M.0169586 - M.0169587 - M.0169588; MP.0031853 - MP.0031854

155. *Tom Gates - Quà vật siêu đặc biệt (...không có đâu)/ Liz Pitchon; Đàm Huy Phát dịch.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 235tr.; 20cm.

823.92/M.0169616 - M.0169617 - M.0169618; MP.0031873 - MP.0031874

810 – Văn học châu Mỹ bằng tiếng Anh

156. *Nóng bỏng:* Tiểu thuyết về Stephanie Plum/ *Janet Evanovich; Ng.dịch: Thảo Trần, Thiệu Quang.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb.Trẻ, 2018. - 369tr.; 20cm.

813.54/M.0169607 - M.0169608 - M.0169609; MP.0031867 - MP.0031868

157. *Tai tiếng:* Tiểu thuyết về Stephanie Plum/ *Janet Evanovich; Tổ Uyên dịch.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 347tr.; 20cm.

813.54/M.0169604 - M.0169605 - M.0169606; MP.0031865 - MP.0031866

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể khác

158. *Biển cỏ miền Tây, Mùa len trâu và các truyện khác*: Tập truyện/ *Sơn Nam*. - In lần 1.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 486tr.; 20cm.

895.922334/.0079500 - .0079501; M.0169685 - M.0169686 - M.0169687; MP.0031919 - MP.0031920

159. *Bồ câu chung mái vòm*: Tập truyện ngắn/ *Dương Thụy*. - In lần 9.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 299tr.; 20cm.

895.92234/M.0169580 - M.0169581 - M.0169582; MP.0031849 - MP.0031850

160. *Buông*: Tiểu thuyết/ *Trần Ngọc Dương*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 199tr.; 21cm.

895.92234/M.170057 - M.170058; MP.0032128 - MP.0032129

161. *Cảm nhận về Xuân Mậu Thân 1968*/ *Trần Văn Trà*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 1998. - 227tr.; 21cm.

895.922803/.0079754

162. *Chiếc ấn ngọc*: Tiểu thuyết/ *Tùng Lâm*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 247tr.; 21cm.

895.92234/M.170061 - M.170062; MP.0032132 - MP.0032133

163. *Chuyện lính Tây Nam*: Hồi ức/ *Trung Sỹ*.- H.: Thanh niên, 2018. - 310tr.; 21cm.

895.9228403/M.170281 - M.170282; MP.0032346 - MP.0032347

164. *Chuyện nhỏ sớm mùa thu*. : Tập truyện ngắn/ *Lưu Quang Vũ*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 275tr.; 23cm.

895.92234/M.0169640 - M.0169641 - M.0169642; MP.0031889 - MP.0031890

165. *Con giai phố cổ*: Tập văn/ *Nguyễn Việt Hà*. - In lần 10.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 292tr.; 20cm.

895.92284/M.0169595 - M.0169596 - M.0169597; MP.0031859 - MP.0031860

166. *Cơn bão tình*: Tiểu thuyết/ *Đoàn Trúc Quỳnh*.- H.: Công an nhân dân, 2017. - 414tr.; 21cm.

895.92234/M.170033 - M.170034; MP.0032104 - MP.0032105

167. *Dạo chơi - Tuổi già*: Ghi chép/ *Sơn Nam*. - In lần 4.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 325tr.; 20cm.

895.92280334/.0079492 - .0079493; M.0169673 - M.0169674 - M.0169675; MP.0031911 - MP.0031912

168. *Di cảo Lưu Quang Vũ*: Nhật ký: Mùa hoa phượng, nhật ký lên đường - Thơ: Những bông hoa không chết/ *Lưu Quang Vũ*. - In lần 2.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 434tr.; 23cm.

895.922134/M.0169634 - M.0169635 - M.0169636; MP.0031885 - MP.0031886

169. Đặc biệt nguy hiểm: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Như Phong*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 823tr.; 24cm.

895.92234/M.170029 - M.170030;MP.0032100 - MP.0032101

170. Đình Tiên Hoàng: Tiểu thuyết/ *Vũ Xuân Tửu*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 527tr.; 21cm.

895.922334/M.170031 - M.170032; MP.0032102 - MP.0032103

171. Đòn phản gián: Tập truyện ký/ *Lương Sỹ Cầm*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 335tr.; 21cm.

895.9228403/M.170059 - M.170060;MP.0032130 - MP.0032131

172. Đường về xứ đạo: Tiểu thuyết/ *Trần Hồng Giang*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 319tr.; 21cm.

895.92234/M.170067 - M.170068;MP.0032138 - MP.0032139

173. Giá như em đủ can đảm để yêu anh/ Nguyễn Thị Kim Ngân.- H.: Công an nhân dân, 2108. - 286tr.; 21cm.

895.92234/M.170171 - M.170172 - M.170173; MP.0032241 - MP.0032242 - MP.0032243

174. Gió thổi: Tập truyện ngắn/ *Võ Thị Xuân Hà*.- H.: Lao động, 2018. - 221tr.; 21cm.

895.92234/M.170285 - M.170286 - M.170287

175. Giới thiệu Sài Gòn xưa - Ấn tượng 300 năm - Tiếp cận với đồng bằng sông Cửu Long: Biên khảo/ *Sơn Nam*. - In lần 4.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 321tr.; 20cm.

895.9223403/.0079504 - .0079505;M.0169691 - M.0169692 - M.0169693; MP.0031923 - MP.0031924

176. Gỡ mặt nạ: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Bá Cồn*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 367tr.; 21cm.

895.92234/M.170039 - M.170040; MP.0032110 - MP.0032111

177. Hải ngoại huyết thư/ Phan Bội Châu; Chương Châu sưu tầm, tuyển chọn.- H.: Thanh niên, 2017. - 183tr.; 21cm.

895.922132/.0079631 - .0079632; M.170126 - M.170127; MP.0032196 - MP.0032197

178. Hậu Trần dật sử/ Phan Bội Châu.- H.: Thanh niên, 2017. - 200tr.; 21cm.

895.922332/.0079685 - .0079686; M.170195 - M.170196; MP.0032262 - MP.0032263

179. Hồn sen: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Mạnh Hùng*.- H.: Hội nhà văn, 2018. - 199tr.; 19cm.

895.92234/M.170014 - M.170015 - M.170016; MP.0032074 - MP.0032075 - MP.0032076

180. *Hương quê, Tình nghĩa giáo khoa thư và các truyện khác*: Tập truyện/ *Sơn Nam*. - In lần 1.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 457tr.; 20cm.

895.922334/.0079494 - .0079495; M.0169676 - M.0169677 - M.0169678; MP.0031913 - MP.0031914

181. *Hương rừng Cà Mau và các truyện khác*: Tập truyện/ *Sơn Nam*. - In lần 1.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 517tr.; 20cm.

895.922334/.0079488 - .0079489; M.0169667 - M.0169668 - M.0169669; MP.0031907 - MP.0031908

182. *Keo đỏ*: Tiểu thuyết/ *Vũ Quốc Khánh*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 447tr.; 21cm.

895.92234/M.170065 - M.170066; MP.0032136 - MP.0032137

183. *Ký ức thời con gái*: Hồi kí/ *Nguyễn Thị Cùng*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 127tr.; 21cm.

895.9228403/M.170077 - M.170078; MP.0032148 - MP.0032149

184. *Lạc rừng*: Tiểu thuyết/ *Trung Trung Đĩnh*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 182tr.; 20cm.

895.92234/M.0169649 - M.0169650 - M.0169651; MP.0031895 - MP.0031896

185. *Làm lạc*: Tiểu thuyết/ *Phù Ninh*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 199tr.; 21cm.

895.92234/M.170071 - M.170072; MP.0032142 - MP.0032143

186. *Lính trận*: Tiểu thuyết/ *Trung Trung Đĩnh*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 242tr.; 20cm.

895.92234/M.0169643 - M.0169644 - M.0169645; MP.0031891 - MP.0031892

187. *Lời chào quá khứ*: Tập truyện ngắn/ *Trung Trung Đĩnh*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 316tr.; 20cm.

895.92234/M.0169652 - M.0169653 - M.0169654; MP.0031897 - MP.0031898

188. *Màu áo xanh thâm lặng*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Mai Dung*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 440tr.; 21cm.

895.92234/M.170055 - M.170056; MP.0032126 - MP.0032127

189. *Một danh Đ9*/ *Lại Văn Long*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 480tr.; 21cm.

895.922334/M.170041 - M.170042; MP.0032112 - MP.0032113

190. *Một bàn tay thì đầy*: Tiểu thuyết/ *Hoàng Việt Hằng*. - Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa, bổ sung.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 247tr.; 21cm.

895.92234/M.170035 - M.170036; MP.0032106 - MP.0032107

191. *Một số phận không chạy trốn*: Tiểu thuyết/ *Hoàng Đình Quang*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 360tr.; 21cm.

895.92234/M.170081 - M.170082 - M.170083; MP.0032152 - MP.0032153

- 192. *Mùa tân binh*:** Tập bút ký/ *Uông Triều*.- H.: Lao động, 2018. - 131tr.; 21cm.
895.9228403/M.170294 - M.170295 - M.170296
- 193. *Nàng Sita*:** Những vở kịch khai thác tích truyện dân gian/ *Lưu Quang Vũ*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 370tr.; 20cm.
895.922234/M.0169622 - M.0169623 - M.0169624; MP.0031877 - MP.0031878
- 194. *Nghịch lý của tình yêu và số phận*:** Di cảo, thư và chuyên luận/ *Xuân Quỳnh*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 290tr.; 23cm.
895.922134/M.0169637 - M.0169638 - M.0169639; MP.0031887 - MP.0031888
- 195. *Ngọn sáng*:** Lí luận - Phê bình/ *Nguyễn Thanh Tâm*.- H.: Lao động, 2018. - 226tr.; 21cm.
895.92209/M.170291 - M.170292 - M.170293
- 196. *Nguyện của đêm*:** *Cao Nguyệt Nguyên*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 224tr.; 20cm.
895.93344/M.0169610 - M.0169611 - M.0169612; MP.0031869 - MP.0031870
- 197. *Ngược chiều cái chết*:** Tiểu thuyết/ *Trung Trung Đỉnh*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 163tr.; 20cm.
895.92234/M.0169646 - M.0169647 - M.0169648; MP.0031893 - MP.0031894
- 198. *Nhà văn thì phải biết đùa*:** Chân dung văn học/ *Trung Trung Đỉnh*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 398tr.; 20cm.
895.922090034/M.0169658 - M.0169659 - M.0169660; MP.0031901 - MP.0031902
- 199. *Nhốt con chim bắt cô*:** Tiểu thuyết/ *Phạm Hoa*.- H.: Lao động, 2018. - 214tr.; 21cm.
895.92234/M.170309 - M.170310 - M.170311
- 200. *Những khoảnh khắc đời người*:** Bút kí và tản văn/ *Trung Trung Đỉnh*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 288tr.; 20cm.
895.92283403/M.0169655 - M.0169656 - M.0169657; MP.0031899 - MP.0031900
- 201. *Những triền xưa ai đi*:** Tản văn/ *Lê Minh Hà*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 177tr.; 20cm.
895.9228408/M.0169592 - M.0169593 - M.0169594; MP.0031857 - MP.0031858
- 202. *Nỗi niềm ngiệt ngã*:** Tiểu thuyết/ *Phan Quế*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 263tr.; 21cm.
895.92234/M.170073 - M.170074; MP.0032144 - MP.0032145
- 203. *Nơi khôn thiêng của biển*:** Tường ca/ *Lương Hữu Quang*.- H.: Lao động, 2018. - 71tr.; 21cm.
895.92214/M.170306 - M.170307 - M.170308

204. *Núi mẹ*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Đức Nguyên*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 542tr.; 21cm.

895.92234/M.170069 - M.170070;MP.0032140 - MP.0032141

205. *Sài Gòn Xuân Mậu Thân*: *Nguyễn Văn Tàu*. - In lần thứ 4 có bổ sung.- Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 2013. - 357tr.; 21cm.

895.922803/.0079751

206. *Sau những ngày mưa*: Truyện dài/ *Phạm Thu Hà*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 194tr.; 20cm.. - (Văn học tuổi 20)

895.92234/M.0169589 - M.0169590 - M.0169591; MP.0031855 - MP.0031856

207. *Sóng trầm biển dựng*: Trường ca/ *Đoàn Văn Mật*.- H.: Lao động, 2018. - 152tr.; 21cm.

895.92214/M.170297 - M.170298 - M.170299

208. *Sống như một dòng sông*: Tập bút ký.- H.: Lao động, 2018. - 373tr.; 21cm.

895.922803/M.170288 - M.170289 - M.170290

209. *Tập ký chọn lọc: Giải Cây bút vàng lần thứ 3 (2015-2017)*. - H.: Công an nhân dân, 2018. - 280tr.; 21cm.

895.922803/M.170043 - M.170044;MP.0032114 - MP.0032115

210. *Thông reo Ngàn Hồng*: Tiểu thuyết lịch sử/ *Nguyễn Thế Quang*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 610tr.; 20cm.

895.9223/M.0169598 - M.0169599 - M.0169600;MP.0031861 - MP.0031862

211. *Thơ chúc Tết mừng Xuân của Bác Hồ và lời bình*/ *Lê Xuân Đức*. - Xuất bản lần thứ 2.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 208tr.; 15cm.

895.922134/.0079719 - .0079720;M.170253 - M.170254;MP.0032318 - MP.0032319

212. *Tiến biệt những ngày buồn*: Tiểu thuyết/ *Trung Trung Đĩnh*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb.Trẻ, 2018. - 357tr.; 20cm.

895.922334/M.0169661 - M.0169662 - M.0169663; MP.0031903 - MP.0031904

213. *Tình trạng không phủ sóng*: Tập truyện ngắn/ *Phong Điệp*.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 255tr.; 21cm.

895.92234/M.170037 - M.170038;MP.0032108 - MP.0032109

214. *Trăng không in bóng*: Tiểu thuyết/ *Bùi Việt Sỹ*.- H.: Lao động, 2018. - 301tr.; 21cm.

895.92234/M.170300 - M.170301 - M.170302

215. *Truyện ngắn: Giải Cây bút vàng lần thứ 3 (2015-2017)*. - H.: Công an nhân dân, 2018.; 21cm.

T.1. - 295tr.

895.92230108/M.170079 - M.170080;MP.0032150 - MP.0032151

T.2. - 248tr.

895.92230108/M.170075 - M.170076;MP.0032146 - MP.0032147

216. *Tự nhiên say*: Tập truyện ngắn/ *Phát Dương*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 185tr.; 20cm.. - (Văn học tuổi 20)

895.92234/M.0169577 - M.0169578 - M.0169579;MP.0031847 - MP.0031848

217. *Tự sự về chiến tranh trong văn học Việt Nam đương đại*. : Tiểu luận Phê bình/ *Đỗ Hải Ninh biên soạn*.- H.: Lao động, 2018. - 551tr.; 21cm.

895.92209/M.170303 - M.170304 - M.170305

218. *Từ U Minh đến Cần Thơ - Ở chiến khu 9 - 20 năm giữa lòng đô thị - Bình an*: Hồi ký/ *Sơn Nam*. - In lần 4.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 515tr.; 20cm.

895.92283403/.0079496 - .0079497;M.0169679 - M.0169680 - M.0169681;MP.0031915 - MP.0031916

219. *Văn nghệ với người lính và thời cuộc*: Tập lí luận, Phê bình/ *Đinh Xuân Dũng*.- H.: Lao động, 2018. - 337tr.; 21cm.

895.92209/.0079747 - .0079748

220. *Wittgenstein của thiên đường đen*: Truyện dài/ *MaiK Cây*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 171tr.; 20cm.

895.92234/M.0169613 - M.0169614 - M.0169615;MP.0031871 - MP.0031872

221. *Yagon - Những kẻ vô cảm*: Truyện dài/ *Phạm Bá Diệp*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 488tr.; 20cm.. - (Văn học tuổi 20)

895.92234/M.0169601 - M.0169602 - M.0169603; MP.0031863 - MP.0031864

900 – LỊCH SỬ, ĐỊA LÝ HỌC VÀ CÁC NGÀNH PHỤ TRỢ

910 – Địa lý và du hành

222. *Gốc cây, cục đá và ngôi sao - Danh thắng miền Nam*: Tập văn/ *Sơn Nam*. - In lần 3.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 233tr.; 20cm.

915.977/.0079498 - .0079499;M.0169682 - M.0169683 - M.0169684; MP.0031917 - MP.0031918

223. *Hang động nổi tiếng ở Việt Nam/ Đặng Việt Thủy*.- H.: Hồng Đức, 2108. - 280tr.; 21cm.

915.9704/.0079667 - .0079668;M.170162 - M.170163; MP.0032232 - MP.0032233

224. *Những tấm gương sáng*: Quốc Toàn biên soạn.- H.: Lao động, 2018. - 227tr.; 21cm.

920/M.0169921 - M.0169922 - M.0169923; MP.0032077 - MP.0032078 - MP.0032079

940 – Lịch sử châu Âu

225. Đối thoại với Putin/ Oliver Stone; Trần Trọng Hải Minh dịch.- H.: Thông tấn, 2018. - 446tr.; 21cm.

947.08/.0079530 - .0079531; M.0169881 - M.0169882; MP.0032040 - MP.0032041

226. Hồi ký bà đầm thép/ Margaret Thatcher; Nguyễn Xuân Hồng dịch.- H.: Thế giới, 2018. - 1040tr.; 24cm.

941.085092/M.0169867 - M.0169868; V.0016519 - V.0016520

227. Napoleon Đại đế/ Andrew Roberst; Lê Đình Chi dịch.- H.: Thế giới, 2018. - 1185tr.; 24cm.

944.05092/M.0169879 - M.0169880; V.0016531 - V.0016532

228. Stalingrad - Trận chiến định mệnh/ Antony Bevoor; Trịnh Huy Ninh dịch.- H.: Hồng Đức, 2018. - 536tr.; 24cm.

940.5421747/M.0169883 - M.0169884; MP.0032042 - MP.0032043; V.0016533 - V.0016534

229. Житейская правда войны/ О.С. Смыслов.- М.: Вече, 2017. - 286р.; 21cm.. - (Военно-историческая библиотека)

947.084/X.0027019

230. Окопная правда войны/ О.С. Смыслов.- М.: Вече, 2017. - 461р.; 21cm.. - (Военно-историческая библиотека)

947.0842/X.0027012

231. Поворот под Москвой/ К. Рейнгардт; перевод: Г.М. Иваницкого.- М.: Вече, 2017. - 396р.; 21cm.. - (Военно-историческая библиотека)

947.0842/X.0027011

232. Военные тайны XX века/ Игорь Станиславович Прокопенко.- М.: Издательство <<Э>>, 2017. - 540р.; 22cm.. - (Военная тайна с Игорем Прокопенко. Коллекция)

947.084/X.0027006

233. Три войны <<Великой Финляндии>>/ А.Б. Широкопад.- М.: Вече, 2018. - 398р.; 21cm.. - (Военно-историческая библиотека)

947.084/X.0027013

234. Жизнь и смерть генерала Корнилова/ Р. Хаджиев.- М.: Вече, 2017. - 459р.; 21cm.. - (Военно-историческая библиотека)

947/X.0027018

235. Михаил Кутузов: стратегия победы. - М.: Издательство АСТ, 2017. - 317р.; 24cm.. - (Иллюстрированная военная история)

947.06092/XV.0004072

236. Суворов. Правила военного искусства/ А.П. Богданов.- М.: Академический проект, 2017. - 467p.; 22cm.. - (Русская история: эпохи)
947.06092/X.0026998

950 – Lịch sử châu Á

237. Anh hùng Nguyễn Văn Trỗi: Những bài viết về cuộc đời và tấm gương cách mạng của Anh hùng Nguyễn Văn Trỗi/ Lam Hồng sưu tầm, tuyển chọn.- H.: Hồng Đức, 2017. - 191tr.; 21cm.. - (Tấm gương Tuổi trẻ Việt Nam)
959.7043092/.0079653 - .0079654;M.170148 - M.170149;MP.0032218 - MP.0032219

238. Ban thống nhất trung ương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)/ Phạm Thị Xuân Yến.- Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - 271tr.; 21cm.
959.7043/.0079752

239. Chị Lê Thị Riêng/ Nguyệt Tú.- H.: Hồng Đức, 2017. - 126tr.; 21cm.. - (Tấm gương Tuổi trẻ Việt Nam)
959.7043092/.0079649 - .0079650;M.170144 - M.170145;MP.0032214 - MP.0032215

240. Chí sĩ yêu nước Thái Phiên qua các tư liệu mới/ Nguyễn Trương Đàn.- Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng, 2017. - 358tr.; 24cm.
959.703092/M.170114 - M.170115;MP.0032184 - MP.0032185;V.0016583 - V.0016584

241. Chí sỹ yêu nước Tiểu La Nguyễn Thành và vấn đề Duy Tân hội.- Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng, 2017. - 257tr.; 21cm.
959.703092/.0079637 - .0079638;M.170132 - M.170133;MP.0032202 - MP.0032203

242. Côn Đảo xưa và nay/ Lê Trúc Vy biên soạn.- H.: Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2017. - 219tr.; 21cm.
959.777/.0079661 - .0079662;M.170156 - M.170157;MP.0032226 - MP.0032227

243. Củ Chi - Đất lửa hoa hồng/ Diệp Hồng Phương.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 232tr.; 21cm.
959.779043/.0079621 - .0079622;M.170045 - M.170046;MP.0032116 - MP.0032117

244. Cuộc Tổng tiến công của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam năm 1968: Qua tài liệu lưu trữ của chính quyền Sài Gòn/ Nguyễn Xuân Hoài chủ biên. - Tái bản lần thứ 1 có sửa chữa, bổ sung.- H.: Chính trị quốc gia, 2015. - 398tr.; 24cm.
959.7043/V.0016603

245. Dấu ấn của nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải với đổi mới và hội nhập kinh tế tại Việt Nam.- H.: Thế giới, 2018. - 399tr.; 27cm.

959.70442092/M.0169851 - M.0169852; V.0016475 - V.0016476

246. Di tích và danh thắng nơi đầu sóng ngọn gió/ Nhân Cơ.- H.: Văn hóa dân tộc, 2018. - 192tr.; 21cm.

959.7/.0079659 - .0079660; M.170154 - M.170155; MP.0032224 - MP.0032225

247. Đất Gia Định xưa - Bến Nghé xưa - Người Sài Gòn: Biên khảo/ *Son Nam*. - In lần 8.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 469tr.; 20cm.

959.779/.0079502 - .0079503; M.0169688 - M.0169689 - M.0169690; MP.0031921 - MP.0031922

248. Đế quốc Mỹ nhất định thất bại trong cuộc "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam Việt Nam.- H.: Sự thật, 1965. - 122tr.; 19cm.

959.7043/.0079753

249. Đồng chí Lê Hồng Phong: Những bài viết về cuộc đời và sự nghiệp của cố Tổng bí thư Lê Hồng Phong/ *Lam Hồng sưu tầm, tuyển chọn.*- H.: Hồng Đức, 2017. - 127tr.; 21cm.. - (Tấm gương Tuổi trẻ Việt Nam)

959.703092/.0079641 - .0079642; M.170136 - M.170137; MP.0032206 - MP.0032207

250. Đồng chí Trần Phú: Những bài viết về cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Trần Phú - Tổng bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam/ *Lam Hồng sưu tầm, tuyển chọn.*- H.: Hồng Đức, 2017. - 163tr.; 21cm.

959.703092/.0079669 - .0079670; M.170164 - M.170165; MP.0032234 - MP.0032235

251. Giai thoại Phan Bội Châu/ Chương Thâu biên soạn.- H.: Thanh niên, 2017. - 275tr.; 21cm.

959.703092/.0079687 - .0079688; M.170197 - M.170198; MP.0032264 - MP.0032265

252. Hai chị em liệt sĩ Minh Khai - Quang Thái.- H.: Thanh niên, 2107. - 239tr.; 21cm.. - (Tấm gương Tuổi trẻ Việt Nam)

959.7030922/.0079655 - .0079656; M.170150 - M.170151; MP.0032220 - MP.0032221

253. Hoàng Văn Thụ. Những bài viết về cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Hoàng Văn Thụ/ *Lam Hồng sưu tầm, tuyển chọn.*- H.: Hồng Đức, 2017. - 123tr.; 21cm.. - (Tấm gương Tuổi trẻ Việt Nam)

959.703092/.0079643 - .0079644; M.170138 - M.170139; MP.0032208 - MP.0032209

254. *Kỷ niệm thời thơ ấu*: Hồi ký con gái Hoàng Hoa Thám/ *Hoàng Thị Thế; Lê Kỳ Anh dịch.*- H.: Khoa học xã hội, 2018. - 200tr.; 21cm.

959.703092/.0079532 - .0079533; M.0169885 - M.0169886; MP.0032044 - MP.0032045

255. *Lê Quang Đạo tiểu sử*/ *Nguyễn Thị Kim Dung chủ biên.*- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 344tr.; 21cm.

959.704109/.0079749 - .0079750

256. *Lịch sử và văn hóa Việt Nam từ góc nhìn đổi mới.*- H.: Thông tin và truyền thông, 2018. - 520tr.; 24cm.

959.7/M.0169901 - M.0169902; MP.0032060 - MP.0032061; V.0016539 - V.0016540

257. *Lịch sử Việt Nam một góc nhìn*/ *Đỗ Bang chủ biên.*- H.: Tri thức, 2107. - 502tr.; 24cm.

959.7/M.170124 - M.170125; MP.0032194 - MP.0032195; V.0016593 - V.0016594

258. *Miền đất hứa của tôi*: Khải hoàn và bi kịch của Israel/ *Ari Shavit; Kiều Thị Thu Hương dịch.*- H.: Thế giới, 2018. - 556tr.; 24cm.

956.054/M.0169895 - M.0169896; MP.0032054 - MP.0032055; V.0016535 - V.0016536

259. *50 năm cuộc Tổng tiến công nổi dậy Mậu Thân (1968 - 2018) : Tầm vóc và giá trị lịch sử.* - H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 623tr.; 24cm.

959.7043/M.170245 - M.170246; MP.0032310 - MP.0032311; V.0016597 - V.0016598

260. *Nghìn xưa văn hiến*/ *Trần Quốc Vượng chủ biên.*- H.: Kim Đồng, 2018. - 600tr.; 24cm.

959.7/M.0169877 - M.0169878; MP.0032038 - MP.0032039; V.0016529 - V.0016530

261. *Ngô Gia Tự*/ *Ngô Thực.*- H.: Hồng Đức, 2017. - 284tr.; 21cm.. - (Tấm gương Tuổi trẻ Việt Nam)

959.703092/.0079651 - .0079652; M.170146 - M.170147; MP.0032216 - MP.0032217

262. *Nguyễn Đức Cảnh*: Truyện ký/ *Viết Linh, Giang Hà Vi.*- H.: Hồng Đức, 2017. - 259tr.; 21cm.

959.703092/.0079639 - .0079640; M.170134 - M.170135; MP.0032204 - MP.0032205

263. *Nguyễn Hoàng Tôn - Trọn đời hy sinh cho Tổ quốc*: Truyện ký/ *Lưu Hương.*- H.: Hồng Đức, 2017. - 246tr.; 21cm.

959.7403092/.0079647 - .0079648; M.170142 - M.170143; MP.0032212 - MP.0032213

264. Nguyễn Trãi - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới/ Nguyễn Minh Tường.- Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, 2017. - 190tr.; 21cm.

959.7026092/.0079693 - .0079694; M.170206 - M.170207; MP.0032272 - MP.0032273

265. Nhật Bản Duy tân 30 năm/ Đào Trinh Nhất.- H.: Thế giới, 2018. - 412tr.; 21cm.

952.031/.0079745 - .0079746; M.170283 - M.170284; MP.0032348 - MP.0032349

266. Những bông hoa đất thép: Ký sự/ Nguyễn Minh Ngọc.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 240tr.; 21cm.

959.7043/M.170063 - M.170064; MP.0032134 - MP.0032135

267 Những khám phá về hoàng đế Quang Trung/ Đỗ Bang. - Tái bản lần thứ 6 có sửa chữa, bổ sung.- H.: Tri thức, 2107. - 258tr.; 21cm.

959.7028092/.0079671 - .0079672; M.170166 - M.170167; MP.0032236 - MP.0032237

268. Những linh hồn bất tử vì Tổ quốc: Ký sự chân dung/ Chi Phan.- H.: Thanh niên, 2017. - 399tr.; 24cm.

959.700922/M.170106 - M.170107; MP.0032176 - MP.0032177; V.0016575 - V.0016576

269. Những sự kiện lịch sử Việt Nam tiêu biểu thế kỷ XX/ Biên soạn: Đào Phương Anh,.....- Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, 2017. - 297tr.; 21cm.

959.704/.0079663 - .0079664; M.170158 - M.170159; MP.0032228 - MP.0032229

270. Những tên gọi bí danh, bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. - Xuất bản lần thứ 5, có sửa chữa, bổ sung.- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 168tr.; 15cm.

959.704092/.0079717 - .0079718; M.170251 - M.170252; MP.0032316 - MP.0032317

271. Phan Bội Châu nhà yêu nước nhà văn hóa lớn/ Chương Thâu biên soạn. - Tái bản.- H.: Thanh niên, 2017. - 469tr.; 24cm.

959.703092/M.170086 - M.170087; MP.0032156 - MP.0032157; V.0016555 - V.0016556

272. Phan Văn Khải - Nhà lãnh đạo kỹ trị, đổi mới và nhân hậu: Những hồi ức đặc biệt.- H.: Thế giới, 2018. - 265tr.; 23cm.

959.704092/.0079542 - .0079543; M.0169897 - M.0169898; MP.0032056 - MP.0032057

273. Phúc ông tự truyện: Những tư tưởng trác việt của nhà cách tân vĩ đại Nhật Bản thời kỳ Minh Trị/ Fukuzawa Yukichi; Phạm Thu Giang dịch.- H.: Thế giới, 2018. - 528tr.; 21cm.

952.031092/.0079538 - .0079539; M.0169891 - M.0169892; MP.0032050 - MP.0032051

274. *Thành Cát Tư Hãn và sự hình thành thế giới hiện đại/ Jack Weatherford; Võ Phương Linh dịch.*- H.: Khoa học xã hội, 2018. - 428tr.; 24cm.

950.21092/M.0169869 - M.0169870; V.0016521 - V.0016522

275. *Theo chân Người tình - Một mảnh tình riêng*: Ghi chép/ Sơn Nam. - In lần 4.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2018. - 261tr.; 20cm.

959.77/.0079490 - .0079491; M.0169670 - M.0169671 - M.0169672; MP.0031909 - MP.0031910

276. *Thủy hải chiến Việt Nam/ Cao Văn Liên.*- H.: Thanh niên, 2016. - 308tr.; 24cm.

959.7/M.170116 - M.170117; MP.0032186 - MP.0032187; V.0016585 - V.0016586

277. *Việt Nam với những di sản thế giới/ Kim Nguyễn chủ biên.*- H.: Tài nguyên Môi trường và Bản đồ, 2018. - 288tr.; 24cm.

959.7/M.170084 - M.170085; MP.0032154 - MP.0032155; V.0016553 - V.0016554

278. *Võ Thị Sáu/ Vũ Lê.* - 258tr.; 21cm.. - (Tấm gương Tuổi trẻ Việt Nam)

959.7041092/.0079645 - .0079646; M.170140 - M.170141; MP.0032210 - MP.0032211

279. *Vừa đi đường vừa kể chuyện/ T. Lan.*- H.: Chính trị quốc gia, 2018. - 180tr.; 15cm.

959.704092/.0079721 - .0079722; M.170255 - M.170256; MP.0032320 - MP.0032321

970 – Lịch sử Bắc Mỹ

280. *Bão lửa và cuồng nộ: Nội tình Nhà Trắng thời Trump*: Ghi chép và bình luận/ Michael Wolff; Trần Trọng Hải Minh dịch.- H.: Hội nhà văn, 2018. - 397tr.; 24cm.

973.93092/M.0169907 - M.0169908; V.0016545 - V.0016546

281. *Benjamin Franklin: Cuộc đời một người Mỹ/ Walter Isaacson; Trần Khánh Duy dịch.*- H.: Thế giới, 2018. - 760tr.; 24cm.

973.3092/M.0169873 - M.0169874; V.0016525 - V.0016526

282. *Thomas Jefferson: Nhân sư Mỹ/ Joseph J. Ellis; Ng. dịch: Đoàn Thị Thanh Mai, Quỳnh Mai.*- H.: Thế giới, 2018. - 520tr.; 24cm.

973.46092/M.0169875 - M.0169876; V.0016527 - V.0016528

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

1. Địa mạo và thay đổi môi trường toàn cầu (Tái bản lần thứ nhất)/ Slaymaker Olav, Spencer Thomas, Embleton-Hamann Christine; Ng.dịch: Vũ Tuấn Anh,- H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2018.- 750tr; 24cm.

551.41 / V.0016537

Cuốn sách *Địa mạo và thay đổi môi trường toàn cầu* do ba nhà địa mạo là Slaymaker Olav, Spencer Thomas, Embleton-Hamann Christine biên tập và Trường Đại học Tổng hợp Cambridge ấn hành lần đầu tiên vào năm 2009. Có thể nói, nội dung cuốn sách đã có cách nhìn mới về biến đổi môi trường toàn cầu. Các tác nhân làm biến đổi môi trường toàn cầu, nói chung, được gộp thành 4 nhóm cơ bản là khí hậu, mực nước biển, địa hình và các hoạt động của con người, trong đó khí hậu và mực nước biển được xem là các tác nhân mang tính hệ thống, còn địa hình và các hoạt động của con người mang tính tích lũy. Mỗi tương tác giữa các nhóm tác nhân này được phân tích xuyên suốt trong quyển sách cho tất cả các môi trường địa mạo khác nhau từ rừng mưa nhiệt đới ở vùng xích đạo đến băng hà và các mũ băng ở vùng cực, từ vùng núi cho đến bờ biển, các hệ sinh thái rạn san hô, sông, hồ...

Nội dung cuốn sách trình bày đầy đủ 13 kiểu lãnh thổ/điều kiện tự nhiên/môi trường khác nhau trên toàn bộ phần đất liền bao gồm: miền núi; hồ và lưu vực hồ; sông suối; cửa sông, bãi lầy ven biển, bãi triều, cồn cát ven biển; bãi biển; vách biển và delfe; rạn san hô; rừng mưa nhiệt đới; sown nhiệt đới; cảnh quan sa mạc; cảnh quan Địa Trung Hải; rừng và bờ chắn thảo ôn đới; tài nguyên và rừng taiga; và các khiên băng và mũ băng. Tuy nhiên, Chương 10: Cảnh quan sa mạc; Chương 13: Tài nguyên và rừng taiga; Chương 14: Khiên băng không được dịch trong cuốn sách này.

2. Giác mộng châu Á của Trung Quốc: Công cuộc xây dựng để chế độ theo con đường tư lựa mới / Tom Miller, Đoàn Duy dịch.- H.: Hội nhà văn, 2018.- 329 tr.; 24cm.

382.0951 / V.0016541

Tác giả là một nhà phân tích cấp cao về châu Á và là chủ bút của tạp chí China Economic Quarterly. Ông có 14 năm sống và làm việc ở Trung Quốc, chuyên viết phân tích về phát triển kinh tế và địa chính trị. Cuốn sách “*Giác mộng châu Á của Trung Quốc: Công cuộc xây dựng để chế độ theo con đường tư lựa mới*” được viết với lời kể hấp dẫn. Tác giả đã thu thập các dữ liệu như một thao tác nghiên cứu chuyên nghiệp, để tập hợp nên cuốn sách với các phần nghiên cứu đầy đủ tập trung vào quan hệ của Trung Quốc với Đông Nam Á, Nam Á, Trung Á, đồng thời ông cũng dành nhiều thời gian gặp gỡ các chính khách, chuyên gia nghiên cứu của các nước Campuchia, Việt Nam, Ấn Độ, Sri Lanka, Trung Quốc - những cuộc gặp gỡ này đã giúp tác giả có thêm các dữ liệu ít được

trao đổi công khai trên truyền thông để đưa vào cuốn sách. Vì thế, cuốn sách vừa có dáng dấp của một tập tư liệu đầy đặn, vừa có sự hấp dẫn của những phân tích chuyên sâu, thẳng thắn.

3. Một số vấn đề lý luận - thực tiễn cấp thiết liên quan trực tiếp đến nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước / Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Viết Thông.-H.: Chính trị quốc gia, 2018.-795tr.; 24cm.

324.2597075 / V.0016599

Hơn 30 năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Tư duy, nhận thức lý luận của Đảng trong từng lĩnh vực có sự đổi mới, phát triển mạnh mẽ; quan điểm về phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý Nhà nước cũng có bước tiến lớn đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn đất nước... Tuy nhiên, vẫn còn không ít vấn đề nhận thức lý luận chậm được làm rõ, hoặc chưa thống nhất; nhiều vấn đề mới đặt ra chưa được nghiên cứu, giải đáp có sức thuyết phục, nhất là trong các lĩnh vực về kinh tế và xây dựng, chính đôn Đảng như: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế tri thức trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và tăng cường quản lý phát triển xã hội; đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng; sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra, kiểm soát quyền lực; đẩy mạnh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;... Nhằm giúp bạn đọc có thêm tài liệu nghiên cứu, tham khảo về vấn đề nêu trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Một số vấn đề lý luận - thực tiễn cấp thiết liên quan trực tiếp đến nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước***, kết cấu nội dung cuốn sách gồm 4 phần:

Phần thứ nhất: Những vấn đề lý luận chung về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước;

Phần thứ hai: Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và quản lý của Nhà nước;

Phần thứ ba: Thực tiễn đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước ở Việt Nam;

Phần thứ tư: Định hướng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

4. Атомный шит России/ Широкопад, А.Б.- М.: Вече, 2017. - 348p.; 21cm.. - (Военно-историческая библиотека)

355.8/X.0027015

Cuốn sách trình bày sự phát triển của vũ khí nguyên tử của Liên Xô, Nga, Mỹ và các nước NATO bắt đầu từ năm 1945 đến nay; tổng quan về các trang thiết bị pháo, đại bác khác nhau, các tên lửa có cánh tầm ngắn, tầm trung trên mặt đất, ưu nhược điểm cũng như các phương tiện vận chuyển và bảo dưỡng chúng.

5.Тактическая подготовка курсантов учебных военных центров/ под общ. ред. Ю.Б. Торгованова.- М.: Инфра-м, 2018. - 516р.; 22см.. - (Военное образование)

355.420947/X.0027000

Đây là cuốn sách giáo khoa huấn luyện chiến thuật gồm chiến thuật chung, huấn luyện xạ kích, bảo vệ chống bức xạ - hoá học - sinh học, trắc địa học quân sự... dùng trong các trận đánh chung cho các binh chủng. Sách dành cho học viên các trường quân sự, sinh viên khoa quân sự của các trường đại học hoặc dùng để huấn luyện cho thanh niên trước khi nhập ngũ vào lực lượng vũ trang Nga.

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI - 83 LÝ NAM ĐẾ - HÀ NỘI

Điện thoại: 024.38235130 – 069.554546

● **GIỜ MỞ CỬA:**

- Sáng: 7h30 – 11h30
- Chiều: 13h00 – 16h30
- Nghỉ: Chủ nhật, ngày lễ

● **PHỤC VỤ:**

- Đọc, mượn, sao chụp, quét tài liệu, trả lời yêu cầu bạn đọc.

- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm: *Thư mục thông báo tài liệu mới, Thư mục chuyên đề, Tài liệu phục vụ nghiên cứu, Thư mục giới thiệu sách cấp phát trong quân đội.*

- Cung cấp sách cho các đơn vị trong toàn quân.

● **ĐỐI TƯỢNG:**

- **Đọc:** Rộng rãi.
- **Mượn:** Cán bộ quân đội công tác tại Hà Nội.
Cán bộ cấp tá nghỉ hưu tại Hà Nội.